

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần

2. Ông Trần Văn Bé Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-HN ngày 03/4/2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXX – ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Lê Thị Bé B – sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Nguyễn Văn C - sinh năm: 1971;

Địa chỉ: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị B, anh C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bé B trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh C cưới nhau và chung sống với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt kéo dài. Nay tôi yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật H - sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 19/8/2007.

Hiện cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu A chưa trưởng thành nên tôi yêu cầu được nuôi cháu A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và chị B cưới nhau và chung sống với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt kéo dài. Nay tôi yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và chị B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật H - sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 19/8/2007.

Hiện cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu A chưa trưởng thành nên tôi đồng ý để cho chị B nuôi cháu A. Tôi không cấp dưỡng nuôi cháu A.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh C là có thật, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B và C chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, chị B yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C, anh C cũng thống nhất lời trình bày của chị B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh C. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật H - sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 19/8/2007. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành, cháu A đang sống cùng với chị B và cháu A có nguyện vọng được sống chung với chị B. Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu A còn nhỏ, hiện đang sống chung với chị B để ổn định về tâm lý cũng như chỗ ở nên giao cháu A cho chị B tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, không giải quyết cấp dưỡng do không có yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị B khởi kiện xin ly hôn, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 53 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh C có hộ khẩu thường trú tại: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị B, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh C.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B trình bày chị và anh C sống chung từ năm 1994 và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt kéo dài, do đó, chị B yêu cầu được ly hôn với anh C. Anh C cũng thống nhất với lời trình bày của chị B, anh cũng đồng ý ly hôn với chị B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bé B và anh Nguyễn Văn C.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật H - sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 19/8/2007, Hội đồng xét xử xét thấy, chị B trình bày hiện nay cháu H đã trưởng thành, cháu A chưa trưởng thành nên chị yêu cầu được nuôi cháu A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Cháu A cũng có nguyện vọng được sống chung với chị B. Anh C đồng ý để cho chị B nuôi cháu A, anh C không cấp dưỡng nuôi cháu A nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, giao cháu A cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bé B và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật H - sinh ngày 29/5/1996 và Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 19/8/2007.

+ Giao cháu Nguyễn Thị Vân A - sinh ngày 19/8/2007 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Án phí: Chị Lê Thị Bé B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025785 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, xem như chị B đã thực hiện xong phần án phí.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Bé B số tiền 16.660.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0025786 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

